

# 恒利会计与顾问有限公司

EVER WIN ACCOUNTING & CONSULTING CO.,LTD



## 税务新知 AC-2201

### Điểm tin Thuế

标题	关于移转订价管理之规定
Tiêu đề	QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT
编撰	经理 阮维成 会计师
Người soạn	Giám đốc Kế toán Nguyễn Duy Thành
涉及范围	移转订价
Phạm vi liên quan	Giao dịch liên kết

Think for you Do for you  
为您思考 用心服务



## 关于移转订价管理之规定

# QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

### 一、适用对象

#### Đối tượng áp dụng

1. 是属对象以申报方式缴纳营业税及依本议定第 5 条与各方有发生交易关联的组织生产，经营商品，劳务（简称为纳税人）。

Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (sau đây gọi chung là người nộp thuế) là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp kê khai và có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. 税务机关包括：总税务局，市税务局，税务分局。

Cơ quan thuế bao gồm Tổng cục Thuế, Cục Thuế và Chi cục Thuế.

3. 对于适用移转订价管理规定有关联的国家机构、组织、其他个人，包括国家的税务机关，与越南所签订税务协定还有效力之领土。

Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc áp dụng quy định về quản lý giá của giao dịch liên kết, bao gồm cả Cơ quan thuế của quốc gia, vùng lãnh thổ có Hiệp định thuế đang còn hiệu lực với Việt Nam.

### 二、使用原则

#### Nguyên tắc áp dụng

1. 有移转订价行为的纳税人必须申报相关移转订价报告；排除由于联结支配关系而纳税义务减少，互动对于各移转订价相当于各独立交易共同条件确认纳税义务的因素。

Người nộp thuế có giao dịch liên kết phải thực hiện kê khai các giao dịch liên kết; loại trừ các yếu tố làm giảm nghĩa vụ thuế do quan hệ liên kết chi phối, tác động để xác định nghĩa vụ thuế đối với các giao dịch liên kết tương đương với các giao dịch độc lập có cùng điều kiện.

## 关于移转订价管理之规定

# QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

2. 税务机关依独立交易原则与决定本质形式实施管理、检查、清查纳税人的移转订价，依本规定为确保不消减企业纳税义务与国家库银，并作出调整移转订价以确认正确的议务税。

Cơ quan thuế thực hiện quản lý, kiểm tra, thanh tra đối với giá giao dịch liên kết của người nộp thuế theo nguyên tắc giao dịch độc lập và bản chất quyết định hình thức để không công nhận các giao dịch liên kết làm giảm nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp với ngân sách nhà nước và thực hiện điều chỉnh giá giao dịch liên kết để xác định đúng nghĩa vụ thuế quy định tại Nghị định này.

3. 独立交易原则适用于与各方之间独立交易原则，在越南有效力的协定没有隶属联结关系。

Nguyên tắc giao dịch độc lập được áp dụng theo nguyên tắc giao dịch giữa các bên độc lập, không có quan hệ liên kết tại các Hiệp định thuế có hiệu lực thi hành tại Việt Nam.

### 三、关联方关系定义

**Các bên thuộc diện liên kết được quy định cụ thể như sau:**

1. 一家公司直接或间接在另一企业股权持有之门槛至少为 25% ；

Một doanh nghiệp nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp kia;

2. 两家公司由第三方直接或间接股权持有之门槛至少为 25% ；

Cả hai doanh nghiệp đều có ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu do một bên thứ ba nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp;

3. 一家公司在另一企业是最大股东，直接或间接股权持有之门槛至少为 10% ；

Một doanh nghiệp là cổ đông lớn nhất về vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp kia, nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 10% tổng số cổ phần của doanh nghiệp kia;

## 关于移转订价管理之规定

# QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

4. 一家企业担保或给另外一家企业以任何形式借贷资金（包括来自第三方获关联方财政担保及类似性质金融交易的贷款）与条件至少等于债务方之业主权益 25% 及占中期、长期贷款之总额 50% 以上；

Một doanh nghiệp bảo lãnh hoặc cho một doanh nghiệp khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm cả các khoản vay từ bên thứ ba được đảm bảo từ nguồn tài chính của bên liên kết và các giao dịch tài chính có bản chất tương tự) với điều kiện khoản vốn vay ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay;

5. 一家企业指定执行董事会成员或掌握控制权的另一企业，与条件第一企业所指定必需超于第二企业的执行董事会成员或控制权之 50%；或第一企业指定的成员有权决定第二企业之财政政策或经营活动；

Một doanh nghiệp chỉ định thành viên ban lãnh đạo điều hành hoặc nắm quyền kiểm soát của một doanh nghiệp khác với điều kiện số lượng các thành viên được doanh nghiệp thứ nhất chỉ định chiếm trên 50% tổng số thành viên ban lãnh đạo điều hành hoặc nắm quyền kiểm soát của doanh nghiệp thứ hai; hoặc một thành viên được doanh nghiệp thứ nhất chỉ định có quyền quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thứ hai;

6. 两家企业共同有执行董事会成员超于 50% 或有一成员有权决定财政政策或经营活动由第三方指定；

Hai doanh nghiệp cùng có trên 50% thành viên ban lãnh đạo hoặc cùng có một thành viên ban lãnh đạo có quyền quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động kinh doanh được chỉ định bởi một bên thứ ba;

## 关于移转订价管理之规定

# QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

7. 两家企业由个人执行或控管人事，财政及经营活动。个人属于其中的关系：妻子、丈夫、亲父、养父、亲母、养母、亲子女、养子女、兄弟、姊妹、姊夫、妹婿、嫂嫂、弟媳、祖父、祖母、外祖父、外祖母、外孙、姑妈、叔父、伯父、姨妈、孙儿；

Hai doanh nghiệp được điều hành hoặc chịu sự kiểm soát về nhân sự, tài chính và hoạt động kinh doanh bởi các cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, ông nội, bà nội, cháu nội, ông ngoại, bà ngoại, cháu ngoại, cô, chú, bác, cậu, dì ruột và cháu ruột;

8. 两家公司有共同总部及经营地点，或国外组织、个人有共同经营地点；

Hai cơ sở kinh doanh có mối quan hệ trụ sở chính và cơ sở thường trú hoặc cùng là cơ sở thường trú của tổ chức, cá nhân nước ngoài;

9. 一家或多家企业由个人以资金投资至其企业来管控或参加执行事务；

Một hoặc nhiều doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của một cá nhân thông qua vốn góp của cá nhân này vào doanh nghiệp đó hoặc trực tiếp tham gia điều hành doanh nghiệp;

10. 其他状况企业受另一企业执行、管控决定实际生产经营活动。

Các trường hợp khác trong đó doanh nghiệp chịu sự điều hành, kiểm soát quyết định trên thực tế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kia.

## 四、确认移转订价之比对方法

### Các phương pháp so sánh xác định giá của giao dịch liên kết

1. 关联交易与独立交易的价格比对方法 (简称为独立交易价格比对方法)。

Phương pháp so sánh giá giao dịch liên kết với giá giao dịch độc lập (sau đây viết tắt là phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập).

## 关于移转订价管理之规定

# QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

2. 纳税人与独立比对对象的利润率比对方法。

Phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận của người nộp thuế với tỷ suất lợi nhuận của các đối tượng so sánh độc lập.

3. 与关联方分配利润方法。

Phương pháp phân bổ lợi nhuận giữa các bên liên kết.

## 五、用于申报, 制定, 管理移转订价之数据库

### Cơ sở dữ liệu sử dụng trong kê khai, xác định, quản lý giá giao dịch liên kết

1. 纳税人用于申报, 制定移转订价之数据库包含:

Cơ sở dữ liệu sử dụng trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế, bao gồm:

a) 数据库由各经营组织提供资料, 包括财政资料以及企业的资料由该组织收集从公开及存储、更新使用管理之信息源(以下简称为商业数据库);

Cơ sở dữ liệu do các tổ chức kinh doanh thông tin cung cấp, bao gồm thông tin tài chính và dữ liệu của doanh nghiệp do các tổ chức này thu thập từ các nguồn thông tin công khai và lưu giữ, cập nhật, quản lý sử dụng (sau đây gọi là cơ sở dữ liệu thương mại);

b) 各企业之资料会在股市公开发布;

Thông tin dữ liệu của các doanh nghiệp được công bố công khai trên thị trường chứng khoán;

c) 在国外, 国内的商品交易所发布资料;

Thông tin, dữ liệu công bố trên các sàn giao dịch hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế;

d) 由国内政府相关部门公开发布或其他官方来源之资料;

Thông tin do các cơ quan bộ, ngành trong nước công bố công khai hoặc các nguồn chính thức khác.

## 关于移转订价管理之规定

# QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

2. 用于税局管理移转订价之资料，包含：

Cơ sở dữ liệu sử dụng trong quản lý giá giao dịch liên kết của Cơ quan thuế, gồm:

a) 数据库规定依本条例第 1 款；

Cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này;

b) 资讯，资料与各税局互相交换；

Thông tin, dữ liệu trao đổi với các Cơ quan thuế đối tác;

c) 资讯由各国内政府相关部门提供予税局；

Thông tin do các cơ quan bộ, ngành trong nước cung cấp cho Cơ quan thuế;

d) 税局的数据库

Cơ sở dữ liệu của Cơ quan thuế.

若企业违反规定于本议定第 12 条第 3 项，税局可使用资料库进行机密数据比对。

Cơ sở dữ liệu của Cơ quan thuế sử dụng trong quản lý rủi ro và ấn định giá giao dịch liên kết đối với các trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định này.

3. 选择独立比对对象作分析，确认独立交易符合比对分析原则，以及确定移转订价方法规定在本议定，依以下次序优先选择比对资料：

Phân tích lựa chọn đối tượng so sánh độc lập để phân tích, xác định khoảng giao dịch độc lập tuân thủ nguyên tắc phân tích so sánh và các phương pháp xác định giá giao dịch liên kết quy định tại Nghị định này, theo thứ tự ưu tiên lựa chọn dữ liệu so sánh như sau:

a) 纳税人的内部比对对象；

Đối tượng so sánh nội bộ của người nộp thuế;

b) 比对对象与纳税人共同国家、领土；

Đối tượng so sánh cư trú cùng quốc gia, lãnh thổ với người nộp thuế;

## 关于移转订价管理之规定

# QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

c) 在其他国家当地区有相同行业条件及经济发展程度之对象。

Đối tượng ở các nước trong khu vực có điều kiện ngành và trình độ phát triển kinh tế tương đồng.

### 六、移转订价申报，提交文件之豁免的情况

#### Các trường hợp người nộp thuế được miễn kê khai, miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết

1. 纳税人与各关联方交易是在越南需缴纳营业所得税对象之情况就可免申报依本法令规定附录 01 表格第 III 项目、第 IV 项，适用同等营业所得税税率以及无任何一方享有营业所得之优惠，但需申报依本法令规定附录 01 表格第 I 项目、第 II 项。

Người nộp thuế được miễn kê khai xác định giá giao dịch liên kết tại mục III, mục IV Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong trường hợp chỉ phát sinh giao dịch với các bên liên kết là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam, áp dụng cùng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp với người nộp thuế và không bên nào được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế, nhưng phải kê khai căn cứ miễn trừ tại mục I, mục II tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. 依本规定附录 01 表格纳税人有责任申报确认定价但可豁免提交文件之情况下：

Người nộp thuế có trách nhiệm kê khai xác định giá giao dịch liên kết theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này nhưng được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết trong các trường hợp sau:

a) 纳税人的年总营收不超过 500 亿越盾且关联交易总额不超过 300 亿越盾；

Người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết nhưng tổng doanh thu phát sinh của kỳ tính thuế dưới 50 tỷ đồng và tổng giá trị tất cả các giao dịch liên kết phát sinh trong kỳ tính thuế dưới 30 tỷ đồng;



## 关于移转订价管理之规定

# QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

b) 具有预先定价协议的纳税人根据预先定价协议规定提交年度报告。对于预先定价协议未涵盖的关联交易，纳税人有义务遵守上述移转订价文件要求；

Người nộp thuế đã ký kết Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá thực hiện nộp Báo cáo thường niên theo quy định pháp luật về Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá. Các giao dịch liên kết không thuộc phạm vi áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá, người nộp thuế có trách nhiệm kê khai xác định giá giao dịch liên kết theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;

c) 纳税人从事单纯营业活动，并从使用无形资产不产生营收、费用，年总收入不超过 2000 亿越盾，且不含利息费用之营收净利，超过以下比率：

Người nộp thuế thực hiện kinh doanh với chức năng đơn giản, không phát sinh doanh thu, chi phí từ hoạt động khai thác, sử dụng tài sản vô hình, có doanh thu dưới 200 tỷ đồng, áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần trước lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu, bao gồm các lĩnh vực như sau:

- 零售批发业：5%

Phân phối: Từ 5% trở lên;

- 制造业：10%

Sản xuất: Từ 10% trở lên;

- 加工业：15%

Gia công: Từ 15% trở lên.



## 联络方式 / Liên lạc chúng tôi



[www.everwin-group.com](http://www.everwin-group.com)

No.23, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ [marketing@everwin-group.com](mailto:marketing@everwin-group.com)

No.133, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 913 125 253

☎ T +84 28 3860 3888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ [marketing@everwin-group.com](mailto:marketing@everwin-group.com)

G3.21-06, Vinhomes Greenbay, No.7 Thang Long Boulevard, Me Tri Ward, Nam Tu Liem District, Ha Noi

☎ M +84 908 398 199

✉ [marketing@everwin-group.com](mailto:marketing@everwin-group.com)

Think for you Do for you  
为您思考 用心服务

